TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày 12 - 01 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 142/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn T**, sinh năm 1983, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Huỳnh Văn Bánh, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đình P1, sinh năm 1985; địa chỉ: đường Huỳnh Văn Bánh, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/5/2020), (có mặt)

- *Bị đơn:* **Bà Tiêu Kim H**, sinh năm 1937, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Hứa P, sinh năm 1958, (có mặt)

+ Chị Trịnh Thị Thu Th, sinh năm 1964, (vắng mặt)

+ Chị Hứa Thị Hướng D, sinh năm 1978, (vắng mặt)

+ Anh Hứa Hoàng S, sinh năm 1980, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh S, chị Th, chị D: là anh Hứa P, sinh năm 1958, cùng địa chỉ: đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Tiêu Kim H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hứa P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2020, lời khai của nguyên đơn và lời khai của người được ủy quyền tại phiên tòa trình bày:

Vào tháng 5/2018 được sự giới thiệu của ông Hứa Văn N và bà Nguyễn Thị T là con ruột của bà Tiêu Kim H cho biết bà H đang gặp khó khăn và có nhu cầu vay tiền, nên anh Nguyễn T đã cho bà H vay 2 lần với tổng số tiền 750.000.000 đồng, khi vay tiền có lập hợp đồng, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 18/5/2018 anh T cho bà H vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 15 tháng; Lần 2: Ngày 25/7/2018 anh T cho bà H vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 2,5 tháng, theo hai hợp đồng vay đều không thể hiện lãi suất. Khi hết thời hạn vay tiền theo thỏa thuận, anh đã nhiều lần yêu cầu bà H giao trả số tiền vốn vay 750.000.000đ, nhưng bà H không thanh toán, nên anh khởi kiện yêu cầu bà H giao trả số tiền vốn 750.000.000đ và khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vay đến ngày vụ án được giải quyết là 171.180.300 đồng, tổng cộng là 921.180.300 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà H đã dùng căn nhà và phần đất của mình tại đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để thế chấp cho anh T bằng cách giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 930725 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/10/2013 cho asnh T quản lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi từ sau ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 20.280.300đ. Anh T chỉ yêu cầu bà H trả tiền vốn vay 750.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 16/6/2020 là 900.900.000đ. Trường hợp bà H không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản của bà H đã thế chấp để trả nợ cho anh T.

Theo bà Tiêu Kim H và anh Hứa P trình bày: Bà H có ký tên trên hai hợp đồng vay tiền của anh T lập ngày 18/5/2018 và ngày 25/7/2018 để vay tổng số tiền là 750.000.000đ, khi vay tiền bà H có thế chấp căn nhà và phần đất do bà H đứng tên giấy tờ nhà đất cho anh T, mặc dù hợp đồng vay tiền bà H ký, nhưng thực tế người nhận tiền vay là anh Hứa Văn N và bà Nguyễn Thị T là con ruột và con dâu của bà H, sau khi nhận tiền vay vợ chồng anh N đóng lãi cho anh T, vì bà không nhận tiền vay nên không có đóng lãi cho anh T, hiện nay vợ chồng anh N, bà T đã bỏ địa phương đi nên bà không biết địa chỉ cụ thể của vợ chồng anh N.

Nay bà Hoa cũng đồng ý giao trả số tiền vốn vay 750.000.000đ cho anh T, nhưng bà yêu cầu xin được đối trừ số tiền lãi mà anh N đã trả cho anh T là

306.250.000đ và xin thời hạn 12 tháng tìm chỗ ở khác để bán tài sản trả nợ cho anh T.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn T về việc yêu cầu bà Tiêu Kim H trả số tiền lãi từ sau ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.280.300 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn T. Buộc bà Tiêu Kim H trả cho anh Nguyễn T số tiền nợ gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 16/6/2020 là 150.900.000 đồng, tổng cộng là 900.900.000 đồng *(Chín trăm triệu, chín trăm nghìn đồng)*.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 116,3m^2, thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 31 và căn nhà gắn liền với đất tại đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 930725 ngày 09/10/2013.

- Hủy một phần của 02 hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà ngày 18/5/2018 và ngày 25/7/2018 đối với phần thế chấp nhà đất tại đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Buộc anh Nguyễn T có nghĩa vụ trả lại cho bà Tiêu Kim H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 930725 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/10/2013 cho bà Tiêu Kim H đứng tên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, bị đơn bà Tiêu Kim H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hứa P kháng cáo yêu cầu được đối trừ số tiền 306.250.000đ mà anh Hứa Văn N đã trả lãi trong 17 tháng vào số tiền vốn vay và xin thời hạn được chậm trả nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P là người đại diện theo ủy quyền của bà H, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có ký vào hai hợp đồng vay tiền nên cấp sơ thẩm buộc bà H có

trách nhiệm giao trả số tiền vay cho anh T là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và H có cung cấp tờ tường trình xác định anh N là con bà H đã có trả lãi vào tài khoản của anh T thay cho bà H, nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bà H. Quá trình giải quyết ở giai đoạn phúc thẩm đã xác minh và xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2018 đến ngày 11/11/2019 anh Hứa Văn N là con bà H có nộp vào tài khoản của anh T với tổng số tiền 256.250.000đ, thời gian anh N nộp tiền vào tài khoản anh T trùng khớp với thời gian bà H vay tiền của anh T và trùng khớp với tờ tường trình của anh N do bà H cung cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh T xác định số tiền anh N nộp vào tài khoản anh T là khoản tiền mà anh N nợ anh T ở những giao dịch khác, không phải anh N nộp tiền vào tài khoản của anh T để trả lãi hay trả vốn cho khoản nợ của bà H vay. Tuy nhiên, anh P1 là người đại diện theo ủy quyền của anh T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền anh N nộp vào tài khoản của anh T để anh N trả khoản nợ khác của anh N với anh T.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, anh P; áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng trừ số tiền 256.250.000đ anh Hứa Văn N đã nộp vào tài khoản của anh T vào số tiền lãi mà bà H phải trả, nếu còn thừa thì trừ vào số tiền vốn vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xử hủy phần thế chấp tài sản, buộc anh T giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 930725 do UBND thành phố B cấp ngày 09/10/2013, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và án phí, chi phí xem xét thẩm định tài sản, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[2] Xét số tiền vốn vay. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hai hợp đồng vay tiền lập ngày 18/5/2018 và 25/7/2018 thể hiện bà H là người ký nhận tiền vay với tổng số tiền 750.000.000đ, anh Hứa Văn N là con bà H có ký tên trong hợp đồng vay tiền với tư cách là người làm chứng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà H có trách nhiệm giao trả số tiền vốn vay cho anh T là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Căn cứ đơn khởi kiện của anh T và lời khai của anh T trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có yêu cầu gì đối với anh Hứa Văn N, không có căn cứ để xác định anh N là người vay tiền, nhận tiền vay của anh T, nên cấp sơ thẩm không đưa anh Hứa Văn N tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà H có cung cấp cho Tòa án tờ tường trình của anh Hứa Văn N trình bày về việc trả lãi cho khoản vay để chứng minh cho việc nộp lãi của hai khoản vay, theo tờ tường trình anh Hứa Văn N xác định, hàng tháng anh có trả lãi của hai khoản vay trên cho anh T bằng hình thức gửi tiền và tài khoản số 19028106133010 do anh T mở tại Ngân hàng Techcombank, thời gian anh trả lãi từ ngày 11/6/2018 đến ngày 11/11/2019 được tổng số tiền 306.250.000đ, nhưng cấp sơ thẩm không kiểm tra, xác minh là thiếu sót.

Căn cứ đơn yêu cầu xác minh của bà H lập ngày 18/12/2020 cấp phúc thẩm tiến hành xác minh và kết quả xác minh tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Quận Phú Nhuận và chi nhánh Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh thể hiện, ngày 06/7/2018 anh Hứa Văn N nộp vào tài khoản của anh T số tiền 12.500.000đ, từ ngày 11/8/2018 đến ngày 30/10/2019 mỗi tháng anh N nộp vào tài khoản anh T số tiền 18.750.000đ, tổng số tiền anh N đã nộp vào tài khoản của anh T là 256.250.000đ, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác để chứng minh anh N còn trả cho anh T khoản tiền nào khác, nên chỉ có căn cứ chấp nhận anh N chỉ nộp vào tài khoản của anh T tổng số tiền 256.250.000đ

[4] Xét kháng cáo của bà H và anh P yêu cầu được đối trừ số tiền lãi mà anh Hứa Văn N đã nộp vào tài khoản của ông T là 306.250.000đ, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H, anh P là tờ tường trình do anh Hứa Văn N lập ngày 10/8/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, theo anh T xác định trong giấy vay tiền để lãi suất tự thỏa thuận, nhưng sau khi vay bà H không đóng lãi, nên chưa xác định được lãi suất tiền vay là bao nhiêu, còn theo bà H xác định lãi suất tiền vay là 2,5%/tháng, nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ nào khác ngoài tờ tường trình của anh N để chứng minh cho lời trình bày cùa mình về mức lãi suất, cũng như số tiền lãi anh N đã trả cho anh T. Do đó, không có căn cứ để xác định hai khoản tiền bà H vay của ông T với mức lãi suất 2,5%/tháng và anh N đã trả lãi cho anh T số tiền 306.250.000đ, mà căn cứ vào kết quả xác minh chỉ có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2018 đến ngày 11/11/2019 anh Hứa Văn N là con của bà H đã nộp vào tài khoản của anh T tổng số tiền 256.250.000đ. Tại phiên tòa anh P1 là người đại diện theo ủy quyền của anh T xác định anh Hứa Văn N có vay của anh T nhiều khoản tiền khác, nhưng anh không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai này của mình, trong khi thời gian anh Hứa Văn N nộp tiền vào tài khoản của anh T trùng khớp với thời gian bà H vay tiền của anh T và anh N có chứng kiến việc vay tiền của bà H và anh N là con của bà H. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền hàng tháng anh Hứa Văn N nộp vào tài khoản của anh T là để trả lãi cho hai khoản vay của bà H với tổng số tiền là 256.250.000đ, không có chứng cứ để chứng minh anh N đã trả lãi cho anh T tổng số tiền lên đến 306.250.000đ, nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà H và anh P.

Xét khoản tiền lãi, theo hai hợp đồng vay vốn lập ngày 18/5/2018 và 25/7/2018 thể hiện giao dịch giữa các bên có lãi suất nhưng tự thỏa thuận, không ghi cụ thể trong hợp đồng vay. Do đó, khi phát sinh tranh chấp anh T yêu cầu bà

H giao trả khoản tiền lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày vay đến ngày 16/6/2020 bằng số tiền 150.900.000đ là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Như đã phân tích, thì có cơ sở để xác định anh N đã nộp tiền vào tài khoản của anh T để trả lãi thay cho bà H với tổng số tiền 256.250.000đ, nên số tiền này được đối trừ vào số tiền lãi mà bà H có nghĩa vụ trả cho anh T từ ngày 18/5/2018 đến ngày 16/6/2020 là 150.900.000đ. Như vậy, số tiền lãi anh N đã nộp vào tài khoản của anh T còn thừa là 105.350.000đ được trừ vào số tiền vốn vay của hai hợp đồng ngày 18/5/2018 và 25/7/2018 do bà H là người ký vay, nên buộc bà H có trách nhiệm giao trả cho anh T số tiền vốn vay còn thiếu là 750.000.000đ0 – 105.350.000đ = 644.650.000đ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thàng phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo của bà H, anh P được chấp nhận một phần, nên bà H, anh P không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tiêu Kim H và anh Hứa P, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 4 và Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn T. Buộc bà Tiêu Kim H có trách nhiệm giao trả cho anh Nguyễn T tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 644.650.000đ (Sáu trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm, năm mươi ngàn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn T về việc yêu cầu bà Tiêu Kim H trả số tiền lãi từ sau ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.280.300đ.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng phần đất diện tích 116,3m^2, thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 31 và căn nhà gắn liền với đất tại đường Thống Nhất, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 930725 do UBND thành phố B cấp ngày 09/10/2013 cho bà Tiêu Kim H.

4.1. Hủy một phần của 02 hợp đồng vay tiền lập ngày 18/5/2018 và ngày 25/7/2018 đối với phần thế chấp nhà đất tại đường Thống Nhất, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Buộc anh Nguyễn T có nghĩa vụ trả lại cho bà Tiêu Kim H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 930725 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/10/2013 cho bà Tiêu Kim H đứng tên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Tiêu Kim H và anh Hứa P được miễn toàn bộ.

- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn T phải chịu 300.000đ. Anh Trần Đình P1 đại diện theo ủy quyền của anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.421.000đ, theo biên lai thu số 0006802 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ án phí phải nộp; hoàn trả lại cho anh Nguyễn T số tiền 19.121.000đ (Mười chín triệu, một trăm hai mươi mốt ngàn đồng).

6. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Anh Nguyễn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là 400.000 đồng, anh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn